

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng Khu du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng Thanh - Phụ (hạng mục: hạ tầng kỹ thuật) tại xã Hoằng Thanh, huyện Hoằng Hóa của Công ty cổ phần Đầu tư Đồng Hương.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Công văn số 7242/UBND-NN ngày 24/10/2011 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương địa điểm đầu tư dự án Khu du lịch sinh thái biển và nghỉ dưỡng Thanh - Phụ của Công ty cổ phần đầu tư Đồng Hương tại xã Hoằng Thanh, huyện Hoằng Hóa;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) Dự án Khu du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng Thanh - Phụ (Hạng mục hạ tầng kỹ thuật) tại xã Hoằng Thanh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa tại Công văn số 6846/STNMT - BVMT ngày 5/10/2020; nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án nêu trên đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 186/CV-DH ngày 12/10/2020 của Công ty cổ phần Đầu tư Đồng Hương;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1036/Tr-STNMT ngày 14/10/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khu du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng Thanh - Phụ (Hạng mục hạ tầng kỹ thuật) của Công ty cổ phần Đầu tư Đồng Hương (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại

xã Hoàng Thanh, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung chính tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Hoàng Hóa, Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư Đồng Hương và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 QĐ;
- Bộ TN&MT (để báo cáo);
- Sở TN&MT (10 bản);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, Pg NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đức Quyền

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án: Đầu tư xây dựng Khu du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng Thanh - Phụ
(hạng mục: hạ tầng kỹ thuật) tại xã Hoàng Thanh, huyện Hoàng Hóa,
tỉnh Thanh Hóa

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2020 của
Chủ tịch UBND tỉnh)*

1. Thông tin chung dự án:

- Tên dự án: Đầu tư xây dựng Khu du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng Thanh - Phụ (hạng mục: hạ tầng kỹ thuật) tại xã Hoàng Thanh, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

+ Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần đầu tư Đồng Hương.

+ Đại diện: Bà Vũ Thị Hồng Chức vụ: Giám đốc chi nhánh

+ Địa chỉ: Số nhà 253, QL1A, phường Phú Sơn, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

+ Điện thoại: 0373 942 757 Fax : 05113. 819182.

- Phạm vi, quy mô, công suất dự án:

+ Tổng diện tích khu đất thực hiện dự án 301.254,0m² (30,1ha); Chủ đầu tư xây dựng hạng mục hạ tầng kỹ thuật, theo quy hoạch sau: Đất dân cư chính trang và tái định cư: 14.701,83m²; Đất cây xanh, công trình công cộng: 19.146,17m²; Đất dịch vụ du lịch: 72.721,77m²; Đất khác: 194.684,23m².

+ Các hạng mục xây dựng gồm: San nền; hệ thống đường giao thông; vỉa hè, cây xanh; hệ thống cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải; cấp điện; thông tin liên lạc; công viên cây xanh, công trình phụ trợ khác.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án:

2.1. Giai đoạn xây dựng:

2.1.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ công nhân khoảng 4,60 m³/ngày (nước thải vệ sinh khoảng 2,3 m³/ngày; nước rửa tay chân khoảng 2,3 m³/ngày); Thành phần chủ yếu: chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, chất hoạt động bề mặt, dầu mỡ, đông thực vật, Coliform,...

- Nước thải xây dựng phát sinh khoảng 6,0 m³/ngày; Thành phần chủ yếu: Cặn lơ lửng, dầu mỡ,...

- Nước mưa chảy tràn có lưu lượng 271,13m³/ngày. Thành phần chủ yếu: Bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...

2.1.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Bụi, khí thải phát sinh trong quá trình đào đắp; phương tiện thi công; phương tiện vận chuyển; trút đổ nguyên vật liệu...Thành phần chủ yếu gồm: bụi, CO, SO₂, NO₂, hơi xăng...

2.1.3. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh khoảng 55,0kg/ngày. Thành phần chủ yếu: thức ăn thừa, lá cây, cành cây, gỗ, giấy loại, thủy tinh, nhựa, nilon, sành sứ, vỏ đồ hộp, kim loại, cao su,.....

- Chất thải rắn từ quá trình phá dỡ công trình hiện trạng 51.023m³, bao gồm: (bê tông, gạch vỡ 42.230m³; ván, cửa gỗ vật liệu khác các loại,...6.652m³; sắt thép, tôn các loại 2.141m³); Khối lượng chất thải rắn phá dỡ đường điện cũ: 7,1tấn; Khối lượng phát quang thảm thực vật, phủ dọn dẹp mặt bằng khu vực dự án: 860,86 tấn. Khối lượng đất dư thừa sau khi đào đắp hố móng thi công là 2.207,8 m³ (tương ứng 3.091 tấn).

2.1.4. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn nguy hại gồm giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy, bóng đèn huỳnh quang,... khối lượng khoảng 62,4 kg/toàn bộ quá trình thi công.

- Chất thải lỏng nguy hại chủ yếu là dầu máy thải với lượng khoảng 73 lít/toàn bộ quá trình thi công.

2.1.5. Tác động do tiếng ồn, độ rung:

- Tác động do tiếng ồn: Tại vị trí cách nguồn phát sinh từ 100m trở lên, mức ồn của các phương tiện đều nằm trong giới hạn cho phép. Tại vị trí cách nguồn phát sinh dưới 100m, mức ồn của các phương tiện đều vượt giới hạn cho phép, tuy nhiên do khu vực dự án cách xa khu dân cư nên các tác động do tiếng ồn chủ yếu ảnh hưởng đến công nhân lao động thi công trên công trường.

- Tác động do độ rung: Mức rung từ các phương tiện máy móc, thiết bị thi công không đảm bảo giới hạn cho phép đối với khu vực thi công và khu dân cư trong khoảng 10m.

2.2. Giai đoạn vận hành:

2.2.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ dự án là 693,2m³/ngày.đêm, trong đó: Nước thải nhà ăn: 82,3 m³/ngày.đêm; Nước thải nhà vệ sinh: 283,7m³/ngày.đêm; Nước tắm giặt: 327,7 m³/ngày.đêm. Thành phần chủ yếu: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, dầu mỡ động thực vật, Coliform...

- Nước mưa chảy tràn có lưu lượng lớn nhất khoảng 2.725,7 m³/ngày. Thành phần chủ yếu: Bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...

2.2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện ra vào dự án; hoạt động của máy phát điện dự phòng; hoạt động nấu ăn, các công trình xử lý nước thải... Thành phần bao gồm: bụi, khí CO, SO₂, NO₂, H₂S, NH₃,...

2.2.3. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

Chất thải rắn sinh hoạt của người dân lưu trú tại dự án và khách du lịch đến lưu trú tại dự án 6.000kg/ngày, cán bộ nhân viên làm việc tại dự án, khách vắng lại: 1.770,5 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, lá cây, cành cây, gỗ, giấy loại, thủy tinh, nhựa, nilon, sành sứ, vỏ đồ hộp, kim loại, cao su,...

2.2.4. Quy mô tính chất của chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động của dự án khoảng 589kg/tháng. Thành phần bao gồm: giẻ lau chùi máy móc, pin, ắc quy, bóng đèn huỳnh quang...

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Giai đoạn xây dựng

3.1.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

*** Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn gồm:**

- Khu vực bãi chứa nguyên vật liệu (cát, đá,...) được che chắn bằng bạt; không để vật liệu xây dựng gần mương thoát nước; hạn chế thấp nhất lượng nước mưa chảy qua khu vực thi công kéo theo bùn đất vào hệ thống thoát nước chung của khu vực; quản lý dầu mỡ do các phương tiện vận chuyển và thi công gây ra.

- Tạo hệ thống rãnh thoát nước mưa tạm thời, trên đường thoát nước mưa bố trí hố ga tạm (có kích thước $d \times r \times h = 0,5 \text{m} \times 0,6 \text{m} \times 0,5 \text{m}$) để lắng loại bỏ bùn đất, khoảng cách các hố ga là 100m, sau đó chảy vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Thường xuyên khơi thông, nạo vét cống, rãnh, không để bùn đất, rác xâm nhập vào đường thoát nước chung của khu vực.

- Thực hiện công tác vệ sinh công trường sau mỗi ngày làm việc nhằm hạn chế các chất ô nhiễm rơi vãi trên mặt bằng thi công.

*** Biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:**

- Nước thải từ quá trình vệ sinh tay chân được thu gom về hố lắng nước thải xây dựng có dung tích 9m^3 (kích thước $3,0 \text{ m} \times 2 \text{ m} \times 1,5 \text{ m}$) trước khi thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Nước thải nhà vệ sinh: Nhà thầu thi công thuê 05 nhà vệ sinh di động bố trí tại khu lán trại. Mỗi nhà vệ sinh di động có kích thước: rộng 100 cm, dài 240 cm, cao 242 cm. Định kỳ 02 ngày/lần đơn vị thi công hợp đồng với đơn vị có chức năng hút chất thải đem đi xử lý.

*** Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng**

Nước thải xây dựng được thu gom về 02 hố lắng có dung tích 9m^3 (kích thước $3,0 \text{ m} \times 2 \text{ m} \times 1,5 \text{ m}$) trước khi thải ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

3.1.2. Về bụi, khí thải:

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động gồm: quần áo bảo hộ, mũ, khẩu trang, kính... theo quy định, bố trí thời gian nghỉ ngơi hợp lý cho công nhân.

- Phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng phải chở đúng trọng tải quy định của xe và có che phủ bạt phía trên để tránh rơi vãi trong quá trình di chuyển.

- Quét dọn vệ sinh ở các tuyến đường xung quanh khu đất dự án trong phạm vi bán kính 200m.

- Phun tưới nước 04 lần/ngày và có thể tăng nếu phát sinh nhiều bụi; bố trí công nhân quét tuyến đường QL10 và tuyến đường số 6 phía Nam dự án trong phạm vi 300m từ dự án về phía Đông.

- Xây dựng hàng rào bằng tôn cao 2,5m, dài 1800m xung quanh khu đất thi công xây dựng để giảm bụi và tiếng ồn phát sinh ra bên ngoài.

- Bố trí khu vực rửa bánh xe vận chuyển nguyên vật liệu trước khi ra khỏi khu vực thi công.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động; phun nước giảm thiểu bụi đất, cát trong quá trình thi công dự án với tần suất phun tưới nước 04 lần/ngày và có thể tăng nếu phát sinh nhiều bụi; bố trí công nhân quét tuyến đường QL10 và tuyến đường số 6 phía Nam dự án trong phạm vi 300m từ dự án về phía Đông.

- Các xe vận chuyển vật liệu được che phủ kín bạt; sử dụng rào tôn xung quanh phần diện tích đất thi công xây dựng.

3.1.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

a. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt

Trang bị 02 thùng nhựa composite (dung tích 100 lít/thùng) đặt tại khu vực lán trại công nhân để thu gom chất thải rắn sinh hoạt của công nhân; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý với tần suất 01 ngày/lần.

b. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn xây dựng

- Đất bóc phong hóa với khối lượng nhỏ, chủ đầu tư kết hợp nhà thầu thi công tận dụng để trồng cây xanh khu vực dự án.

- Đất thừa từ quá trình đào đắp hố móng chủ đầu tư ký hợp đồng với Công ty TNHH môi trường Trường Thi thu gom, vận chuyển đến khu vực đầm trũng của xã Hoàng Thanh, huyện Hoàng Hóa (cách dự án 1,3km về phía Đông) để tôn cao nền thuận lợi cho hoạt động sản xuất nông nghiệp của người dân trong xã.

- Chất thải rắn từ phát quang thảm thực vật, dọn dẹp mặt bằng khu vực dự án được thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển và đưa đi xử lý theo quy định.

- Bê tông, gạch vỡ từ quá trình phá dỡ công trình hiện trạng sẽ tận dụng để tôn nền bên trong công trình. Ván, cửa gỗ vật liệu khác các loại được thu gom và hợp đồng với đơn vị môi trường có chức năng đến vận chuyển và đưa đi xử lý theo quy định. Sắt thép, tôn các loại được tận dụng bán cho đơn vị thu mua phế liệu xử lý, tái chế.

- Chất thải rắn từ quá trình xây dựng như cát, đá... công nhân thi công sử dụng để làm lớp lót sân đường nội bộ và dùng để san nền phía bên trong khu vực dự án.

3.1.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

Trang bị 02 thùng chứa chất thải nguy hại có thể tích 100 lít/thùng để chứa riêng biệt chất thải rắn nguy hại và chất thải lỏng nguy hại, các thùng

chứa đều có dán nhãn mác, nắp đậy theo đúng quy định; Kết thúc quá trình thi công xây dựng đơn vị thi công hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định tại Thông tư số 36/2015/TT - BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

3.1.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

- Các phương tiện có mức ồn lớn không được vận hành cùng một thời điểm. Thường xuyên bảo trì máy móc, thiết bị và phương tiện trong suốt thời gian thi công; Công nhân thi công phải được trang bị các dụng cụ, thiết bị chống ồn.

- Quy định tốc độ xe, máy móc thi công khi hoạt động tại công trường không quá 5 km/h; Hạn chế sử dụng các thiết bị gây mức ồn >70 dBA hoặc các hoạt động có thể tạo ra mức ồn >70 dBA để thi công, không tiến hành thi công vào khoảng thời gian cao điểm 11 đến 13 giờ và từ 22 đến 6 giờ sáng ngày hôm sau.

3.2. Giai đoạn vận hành

3.2.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

** Trách nhiệm của chủ đầu tư:*

- Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thoát nước chung của dự án, bố trí sẵn các vị trí chờ đầu nối để các nhà đầu tư thành viên đầu nối nước thải sau khi xử lý qua bể tự hoại, bể tách dầu mỡ tiện đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của dự án.

- Xây dựng, vận hành thường xuyên hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án có công suất 800 m³/ngày đêm. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt được dẫn ra kênh Trường Phụ phía Tây dự án.

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung: Nước thải → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể UASB → Bể trung gian → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng sơ cấp → Bể Anoxic → Bể Aerotank → Bể lắng thứ cấp → Bể khử trùng → Kênh Trường Phụ phía Tây dự án.

** Trách nhiệm của các hộ dân và nhà đầu tư thành viên*

- *Đối với nước thải nhà vệ sinh:* Yêu cầu các nhà đầu tư thành viên xây dựng bể tự hoại riêng để xử lý nước thải sinh hoạt sau đó đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án.

- *Đối với nước thải phát sinh từ nhà bếp:* Yêu cầu xây dựng bể tách dầu mỡ để xử lý sơ bộ sau đó đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án.

- *Đối với nước thải phát sinh từ hoạt động tắm giặt:* Yêu cầu mỗi hộ xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thu gom, thoát nước và đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án.

- Phối hợp với chủ đầu tư để đầu nối nước thải vào đường ống thoát nước thải chung do chủ đầu tư đã lắp đặt theo đúng thiết kế.

3.2.2. Về bụi, khí thải:

- Trách nhiệm của chủ đầu tư:

+ Thuê đơn vị thường xuyên quét dọn các tuyến đường trong khu dân cư nhằm giảm thiểu bụi bốc bay theo lớp bánh xe.

+ Trồng cây xanh khu vực công viên các vị trí quy hoạch; những ngày nắng nóng phun nước tưới cây, rửa đường trong khu dân cư bằng xe tưới nước chuyên dụng.

+ Nạo vét định kỳ hệ thống cống rãnh, bảo dưỡng thường xuyên hệ thống thu gom, xử lý nước thải, giảm thiểu phát sinh mùi, khí thải.

- Trách nhiệm của các hộ dân, nhà đầu tư thứ cấp:

+ Chủ động vệ sinh hàng ngày đối với khu vỉa hè trong phạm vi phía trước mỗi khu nhà.

+ Để rác đúng quy định về thời gian và địa điểm.

+ Đối với khu vực nhà bếp phải trang bị bộ phận hút, lọc mùi trước khi thải ra môi trường.

3.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

- Trách nhiệm của chủ đầu tư:

Trang bị các thùng rác có nắp đậy kín đặt tại nơi công cộng để thu gom rác thải. Thuê đơn vị thu gom rác tại địa phương quét dọn, thu gom rác thải tại các khu vực: đường giao thông, công viên, khu nhà văn hóa... đưa đi xử lý theo quy định.

- Đối với các hộ dân, các nhà đầu tư thứ cấp:

Trang bị các thùng chứa rác để thu gom, phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn; không được tập kết rác trên vỉa hè khi chưa có xe thu gom rác. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển xử lý với tần suất 01 lần/ngày.

3.2.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Trách nhiệm của chủ đầu tư:

+ Bố trí các thùng nhựa loại 100 lít màu đen có nắp đậy và dán nhãn đặt dọc tuyến đường nội bộ và khu vực công cộng trong khu dân cư với khoảng cách 100 - 200m/thùng để thu gom CTNH từ khu dân cư. Hợp đồng với các đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định;

+ Tuyên truyền, phổ biến các quy định, cách thức thu gom, phân loại chất thải nguy hại và quản lý theo đúng Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quản lý chất thải nguy hại cho người dân và du khách để thu gom CTNH chuyển vào các thùng chứa chất thải nguy hại theo các chủng loại quy định đã được dán nhãn bên ngoài thùng.

- Trách nhiệm của các hộ dân trong khu dân cư, các nhà đầu tư thứ cấp

Thu gom, phân loại chất thải nguy hại và bỏ vào các thùng đựng CTNH do chủ đầu tư hạ tầng bố trí.

4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường:

4.1. Giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng

4.1.1. Giám sát chất lượng khí thải:

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.
- Chỉ tiêu giám sát: Vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, SO₂, NO₂, CO.
- Vị trí giám sát:
 - + 01 mẫu tại khu vực lán trại công nhân.
 - + 01 mẫu tại khu vực thi công dự án.
- Quy chuẩn áp dụng:
 - + QCVN 05: 2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.
 - + QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.
 - + QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.
 - + QCVN 03: 2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc
 - QCVN 06:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

4.1.2. Giám sát chất lượng nước thải:

- Chỉ tiêu giám sát: pH, BOD₅, TSS, NH₄⁺ (tính theo N), Tổng P, Dầu mỡ động thực vật, Coliform.
- Vị trí giám sát: 02 mẫu:
 - + 02 mẫu nước thải sau 02 bể lắng nước thải xây dựng trước khi thoát vào hệ thống thoát nước chung.
- Quy chuẩn áp dụng:
 - + QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt.
 - + QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn Quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp.

4.2. Giám sát chất lượng môi trường giai đoạn vận hành

4.2.1. Giám sát chất lượng không khí

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.
- Vị trí lấy mẫu:
 - + 01 mẫu tại khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung.
 - + 02 mẫu tại 02 khu tập kết chất thải rắn.
- Các thông số quan trắc: Vi khí hậu; tiếng ồn, bụi, SO₂, NO₂, CO.
- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

+ QCVN 26: 2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

+ QCVN 05: 2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

+ QCVN 06:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

4.2.2 Giám sát chất lượng nước thải

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.

- Chỉ tiêu phân tích: pH, BOD₅, TSS, tổng N, tổng P, dầu mỡ động thực vật, tổng coliform.

- Vị trí giám sát:

+ 01 mẫu nước thải trước khi vào hệ thống xử lý nước thải tập trung.

+ 01 mẫu nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt./.